

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DSST

Ngày: 11/01/2022

Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hồng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Phạm Thị Lan**.

Bà **Nguyễn Thị Tiến**.

- *Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Loan** - Th- ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương:* Bà **Lê Thị Thu Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 64/2020/TLST-DS ngày 23/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-TA ngày 30/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐST-DS ngày 20/12/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn S**, sinh năm 1971.

ĐKKHKT và cư trú tại: Khu dân cư LQ, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Ông S có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1974.

ĐKKHKT: Số 20 phố NT, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Số 24 phố HB, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN*** Nguyên đơn ông Đỗ Văn S trình bày:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa ông S trình bày:

Ông S vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện (và nội dung rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của ông).

Do có quan hệ bạn bè ngoài xã hội với bà Vũ Thị H, bà H có hỏi vay ông tiền để kinh doanh. Ông đồng ý cho bà H vay tiền và ông trực tiếp giao tiền cho bà H và bà H là người nhận tiền và trực tiếp bà H có viết làm 03 lần giấy vay tiền:

- Lần 1: Vay vào ngày 09/7/2018 dương lịch, số tiền là 50.000.000đ được thể hiện tại "Giấy vay tiền" chữ ký và chữ viết là do chính bà H là người nhận tiền viết và ký nhận có nội dung “Tên tôi là Vũ Thị H trú tại 24 phố HB, phường QT- TPHD có vay của ông Đỗ Văn S đội 7 LQ, phường TK, TPHD số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn) để tôi kinh doanh. Với thời hạn 5 - 6 tháng nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

- Lần 2: Vay vào ngày 05/8/2018 Âm lịch số tiền 100.000.000đ được thể hiện tại "Giấy vay tiền", có nội dung: “Tên tôi Vũ Thị H số nhà 24 phố HB, phường QT- TPHD, CMND 141749529, tôi có vay của anh Đỗ Văn S - LQ, phường TK, TPHD Tôi vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn) để tôi làm ăn kinh doanh. Thời gian tôi vay từ 1 đến 5 tháng tôi hoàn trả nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Chữ ký và chữ viết do chính bà H là người nhận tiền viết và ký nhận.

- Lần 3: Vay vào ngày 30/06/2019 dương lịch số tiền 63.000.000đ (khoản tiền này ông S đã rút yêu cầu khởi kiện đòi tiền bà H ngày 19/11/2021).

Khi cho bà H vay số tiền trên ông và bà H không thỏa thuận về lãi xuất cho vay do vậy ông S chỉ đề nghị Tòa án buộc bà H phải thanh toán trả cho ông số tiền gốc 150.000.000đ còn ông tự nguyện không yêu cầu bà H trả tiền lãi số tiền gốc 150.000.000đ cho ông.

Quá trình vay tiền ông nhiều lần đòi bà H nhưng bà H không trả nợ ông. Nay ông đề nghị Tòa án buộc bà Vũ Thị H có trách nhiệm trả nợ ông số tiền gốc 150.000.000đ (tại giấy vay tiền số tiền 50.000.000đ và giấy vay tiền 100.000.000đ). Ông không yêu cầu bà H trả tiền lãi.

Đối với số tiền chi phí giám định hai giấy vay tiền chữ viết, chữ ký của bà H là do bà H viết, ký (được thể hiện tại Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương tại giấy vay tiền số tiền 50.000.000đ và giấy vay tiền 100.000.000đ số 05/KLGĐ ngày 01/11/2021), ông đề nghị Tòa án buộc bà H phải chịu và hoàn trả lại số tiền chi phí giám định cho ông 4.000.000đ.

Bà Vũ Thị H bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng được thể hiện tại

biên bản lấy lời khai, biên bản giao tài liệu như sau: Bà có quan hệ với ông S là bạn bè quan hệ xã hội. Do điều kiện kinh tế khó khăn, bà có hỏi vay ông S 02 lần tiền (có viết giấy vay tiền) khi bà được Tòa án hỗ trợ ông S giao tài liệu đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo nay bà xác định khoản tiền bà vay 50.000.000đ ngày 09/7/2018 là đúng chữ viết, chữ ký của bà nhưng bà đã trả tiền gốc, lãi 3.000.000đ/tháng (tuy nhiên giấy vay tiền không thể hiện việc trả lãi). Việc bà trả tiền ông S tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi hàng tháng không có ai làm chứng không có tài liệu cung cấp cho Tòa án việc bà đã trả tiền ông S và do tin tưởng ông S nên bà không bảo ông S hủy giấy vay tiền bản gốc.

Đối với khoản tiền 100.000.000đ tiền gốc ngày 05/8/2018 bà xác định có vay nhưng đã trả ông S cả tiền gốc và lãi. Nội dung chữ viết giấy vay tiền này bà không nhớ nhưng bà xác định chữ ký "người vay Vũ Thị H" không phải là chữ ký của bà. Do tin tưởng ông S bà không thu hồi giấy vay tiền để hủy đi và không có tài liệu cung cấp cho Tòa án, không có ai làm chứng việc bà đã trả tiền ông S.

Đối với khoản tiền 63.000.000đ ghi ngày 30/6/2019 là khoản tiền lãi của khoản tiền gốc 100.000.000đ và 50.000.000đ) bà H phải đổi trừ chiếc xe SH của bà cho ông S và bà xác định chữ viết, chữ ký không phải của bà. Nay bà khẳng định đã trả nợ ông S không còn nợ ông S khoản tiền gì. Bà đề nghị giám định chữ viết, chữ ký tại giấy vay tiền 100.000.000đ và 63.000.000đ.

Bà H xác định khoản tiền vay ông S là vay riêng của bà không liên quan đến ông Nguyễn Tiến D chồng bà và những người trong gia đình bà.

Tòa án yêu cầu bà H cung cấp tài liệu so sánh chữ viết, chữ ký tại giấy vay tiền và nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nhưng bà H không cung cấp và không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Ngày 23/4/2021 ông S làm đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký tại 03 Giấy vay tiền do bà H viết.

Tại kết luận giám định số 05/KLGD ngày 01/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương (BL 87) kết luận: "Chữ viết, chữ ký tại giấy vay tiền đúng tên Vũ Thị H đề ngày 09/7/2018 dương lịch và ngày 05/8/2018 trên tài liệu mẫu so sánh: Bản cam đoan; biên bản lấy lời khai của đương sự đứng tên người khai Vũ Thị H ngày 27/11/2020 là do cùng một người ký ra".

Bà Vũ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Th- ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện theo đúng trình tự quy định

của Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không thực hiện trình tự quy định pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Áp dụng Điều 463; 465, 466, 357 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 147; Điều 217; Điều 227 BLTTDS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S. Buộc bà Vũ Thị H phải trả cho ông Đỗ Văn S số tiền 150.000.000đ.

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông S yêu cầu bà H trả số tiền 63.000.000đ.

Về án phí, chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị H trả ông Đỗ Văn S chi phí giám định và chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần bà Vũ Thị H nhưng bà H là bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp pháp luật: Ông S khởi kiện đòi tiền bà H được thể hiện tại 02 giấy vay tiền. Bà H có địa chỉ tại 24 phố HB, phường QT, thành phố Hải Dương. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[3] Ông Đỗ Văn S có đơn khởi kiện bà Vũ Thị H số tiền gốc tại 03 giấy vay tiền tổng số tiền 213.000.000đ. Ngày 19/11/2021 ông S tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền 63.000.000đ tiền gốc. Do vậy Tòa án đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông S theo Điều 217 BLTTDS.

[4] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Nguyên đơn có đơn khởi kiện và rút 01 phần yêu cầu khởi kiện tại giấy vay tiền 63.000.000đ nay ông S chỉ kiện đòi bà Vũ thị H trả ông tiền gốc được thể hiện tại 02 giấy vay tiền "Giấy vay tiền" ngày 09/7/2018 dương lịch với số tiền 50.000.000đ và Giấy vay tiền ngày 05/8/2018 âm lịch với số tiền 100.000.000đ (**bản gốc BL 56- 57**).

Bị đơn bà H xác định có vay 150.000.000đ tiền gốc và đã trả tiền gốc, lãi cho ông S nhưng không thu hồi lại giấy vay tiền gốc để hủy đi. Việc bà trả tiền ông S không có tài liệu cung cấp cho Tòa án và không có người làm chứng.

Bà H đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bà tại giấy vay tiền 100.000.000đ và 63.000.000đ (khoản tiền 63.000.000đ ông S đã rút yêu cầu khởi kiện) nhưng bà H không nộp tiền chi phí giám định và cung cấp tài liệu mẫu so sánh chữ ký, chữ viết.

Ông S có đơn đề nghị giám định, chữ viết, chữ ký của bà H tại giấy vay tiền trên và đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

HĐXX xét việc ông S khởi kiện đòi tiền bà H tại 03 giấy vay tiền (đã rút 01 giấy vay tiền số tiền 63.000.000đ) nay chỉ còn 02 giấy vay tiền trên với tổng số tiền 150.000.000đ gốc đã được Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết, chữ ký so với mẫu so sánh là do cùng một người ký ra (là bà Vũ Thị H). Quá trình giải quyết vụ án bà H khai đã trả hết tiền gốc, lãi nhưng bà H không cung cấp được tài liệu thể hiện trả tiền gốc, lãi cho ông S. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc bà H phải trả ông S 150.000.000đ tiền gốc thể hiện tại 02 giấy vay tiền ngày 09/7/2018 dương lịch số tiền 50.000.000đ và số tiền 100.000.000đ ngày 05/8/2018 âm lịch và chấp nhận việc ông S rút 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền gốc 63.000.000đ.

HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của ông S không yêu cầu tính lãi suất khoản tiền trên.

- Về tiền chi phí giám định: Ông S nộp tiền chi phí giám định hai giấy vay tiền số tiền 4.000.000đ. Nay yêu cầu của ông được chấp nhận nên buộc bà H phải hoàn trả lại cho ông S 4.000.000đ tiền chi phí giám định. Đối với khoản tiền chi phí giám định giấy vay tiền 63.000.000đ ông rút yêu cầu khởi kiện nên tiền tạm ứng chi phí giám định 2.000.000đ ông tự nguyện chịu không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S đ-ợc chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông S. Bị đơn có trách nhiệm trả toàn bộ nợ ông S tiền gốc 150.000.000đ. Do vậy bà H phải chịu án phí dân sự phần phải trả nợ cho ông S và phải hoàn trả lại tiền chi phí giám định cho ông S 4.000.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463; 465, Điều 466, 357 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 227 BLTTDS; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S đối với khoản tiền 63.000.000đ. Các đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện lại yêu cầu trên theo quy định pháp luật.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S kiện đòi bà Vũ Thị H số tiền 150.000.000đ tiền gốc và không tính lãi suất.

- Xử buộc bà Vũ Thị H phải trả ông Đỗ Văn S 150.000.000đ (*một trăm lăm mươi triệu đồng*) tiền gốc, chấp nhận sự tự nguyện của ông S không tính lãi suất của khoản tiền 150.000.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ng- ời đ- ọc thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành trả khoản tiền trên, thì phải trả lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS.

Xử buộc bà Vũ Thị H hoàn trả lại cho ông Đỗ Văn S tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký của bà H 4.000.000đ (*bốn triệu đồng chẵn*).

Về án phí: Bà Vũ Thị H phải chịu 7.500.000đ (*bảy triệu lăm trăm nghìn đồng*) án phí phần dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông S 5.325.000đ (*năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự theo biên lai số AA/2018/0002604 ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

□n xử sơ thẩm đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP.Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Hương